TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU TỈNH SÓC TRĂNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2019
"Về việc không công nhận quan hệ vợ chồng."

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.
- Ông Triệu Khánh Long.

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thanh Tâm, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: ông Hồ Văn Phân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2018. Về việc "yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lâm Văn N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 244, khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh D.

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 244, khóm A, phường A, thị xã C, tỉnh D.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện (yêu cầu tuyên bố quan hệ sống chung không phải là vợ chồng) ngày 17/12/2018 cũng như ý kiến khi tham gia họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lâm Văn Ntrình bày: Vào năm 1992, ông Lâm Văn N có sống chung như vợ chồng cùng với bà Lê Thị H, nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông N và bà H cùng

sống chung với nhau tại khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh D. Cuộc sống chung hạnh phúc một thời gian, ông Lâm Văn N và bà Lê Thị H đã có với nhau một người con chung tên Lâm Thị Trúc N1 (nữ) sinh ngày 01/01/1994. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, nên cuộc sống chung không còn hòa hợp làm cho tình cảm ngày càng phai nhạt, không còn hạnh phúc, cuộc sống chung mâu thuẫn trầm trọng không thể giải tỏa được nên không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Nay ông Lâm Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết, không công nhận quan hệ sống chung với bà Lê Thị H là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Ông Lâm Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết vì con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: hai bên đã tự thỏa thuận, ông Lâm Văn N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/05/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Thị H trình bày: Bà sống chung với ông Lâm Văn N vào năm 1992 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới bà H và ông N sống tại khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh D. Hai người sống chung với nhau rất hạnh phúc và đã có với nhau một người con chung tên Lâm Thị Trúc N1 (nữ) sinh ngày 01/01/1994 hiện nay đã trưởng thành. Do cuộc sống chung sau này ông N không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau dẫn đến bà H và ông N thường phát sinh mâu thuẫn cự cải với nhau nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung được. Do đó, bà H đồng ý với yêu cầu của ông Lâm Văn N về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà H và ông Lâm Văn N không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Do con đã trưởng thành bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông N đã tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa ông Lâm

Văn N và bà Lê Thị H là quan hệ vợ chồng; về con chung đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung do nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, ông N yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lâm Văn N và bà Lê Thị H không phải là quan hệ vợ chồng. Quan hệ pháp luật nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn đã xác lập cuộc sống chung vào năm 1992 trên tinh thần tự nguyện và đã có với nhau một người con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Xét lời thừa nhận về tình trạng hôn nhân của ông Lâm Văn N và Lê Thị H có trong hồ sơ vụ án; căn cứ Biên bản xác minh về quan hệ hôn nhân của ông Lâm Văn N và bà Lê Thị H tại phường B thị xã C, tỉnh D tại (bút lục số 29); căn cứ vào Sổ hộ khẩu gia đình mà nguyên đơn cung cấp cho tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Lâm Văn N về quan hệ sống chung như vợ chồng giữa ông N và bà H nhưng không đăng ký kết hôn là sự thật, quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 92 bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, giữa ông N và bà H đang tồn tại quan hệ hôn nhân không hợp pháp, nên phải chịu sự điều chỉnh của Pháp luật.Vì vậy cần phải căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết, tuyên bố quan hệ sống chung giữa ông Lâm Văn N và bà Lê Thị H không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: ông Lâm Văn N và bà Lê Thị H đã có với nhau một người con chung tên Lâm Thị Trúc N1 (nữ) sinh ngày 01/01/1994 đã trưởng thành lao động được, ông N và bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lâm Văn N và bà Lê Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lâm Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố quan hệ sống chung giữa ông Lâm Văn N và bà Lê Thị H không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Tên Lâm Thị Trúc N1 (nữ) sinh ngày 01/01/1994 đã trưởng thành lao động được, ông Lâm Văn Nvà bà Lê Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lâm Văn N và bà Lê Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn ông Lâm Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004061, ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, Lâm Văn N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Uỷ ban phường Vĩnh Phước
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Minh Toàn